

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

VŨ MẠNH HÙNG

**CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ
TRONG NÔNG NGHIỆP CỦA VIỆT NAM**

Ngành: Quản lý kinh tế

Mã số: 9 31 01 10

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Hà Nội – năm 2020

Công trình được hoàn thành tại:
Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

Người hướng dẫn khoa học: 1. TS. Nguyễn Minh Tú
 2. TS. Trần Kim Hà

Phản biện 1: PGS.TS Lê Xuân Bá

Phản biện 2: PGS.TS Hoàng Văn Hải

Phản biện 3: TS. Trần Công Thắng

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện họp tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương vào hồigiờ ... ngày ... tháng... năm 2020

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

Thư viện Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương
Thư viện Quốc Gia, Hà Nội

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài luận án

HTX là thể chế kinh tế đã tồn tại và phát triển mạnh mẽ hơn 200 năm trên thế giới, ngay cả ở những nước phát triển như Canada, Đức, Nhật, Mỹ. Ở Việt Nam, HTXNN được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt coi trọng và quan tâm sâu sắc từ những năm đầu thành lập nước đến nay. Tuy có một số tác động tích cực tới sự phát triển của khu vực HTXNN, nhưng nhìn chung chính sách phát triển HTXNN trong thời gian qua còn bộc lộ nhiều bất cập, gây cản trở quá trình phát triển của HTXNN, chưa là động lực để thúc đẩy khu vực HTXNN phát triển bền vững. Nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài nghiên cứu **“Chính sách phát triển Hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam”** để đóng góp kết quả nghiên cứu vào quá trình xây dựng Nghị quyết mới của Đảng về phát triển kinh tế hợp tác và đề xuất chính sách phát triển HTX nông nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035

2. Mục đích, ý nghĩa nghiên cứu đề tài luận án

Luận án bổ sung, phát triển cơ sở lý luận về chính sách phát triển HTXNN nhằm nâng cao nhận thức về HTXNN của cán bộ xã viên HTX, doanh nghiệp, nông hộ và người dân; Luận án cung cấp luận cứ khoa học cho Đảng và Nhà nước trong việc điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện CSPT HTXNN của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

3. Những đóng góp mới của luận án: Hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn về HTXNN và CSPT HTXNN của Việt Nam giai đoạn 2013-2019; Đóng góp kết quả phân tích, đánh giá thực trạng phát triển của khu vực HTXNN và thực trạng hoạch định, thực thi chính sách phát triển HTXNN Việt Nam giai đoạn 2013-2019; Đóng góp những quan điểm, phương hướng, giải pháp trong việc hoạch định và thực thi chính sách phát triển HTXNN ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

Chương 1. TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU VỀ CSPT HTXNN

1. Tổng quan các nghiên cứu có liên quan tới Luận án

Đã có rất nhiều nghiên cứu về chính sách phát triển HTXNN trên thế giới. Đa số các nghiên cứu trong nước hay ngoài nước đều đánh giá sự phát triển HTX chịu tác động bởi chính sách phát triển HTX của Nhà nước, có đề cập tới một số chính sách cụ thể PT HTXNN. *Tuy nhiên*, chưa có nghiên cứu phân tích, đánh giá toàn diện về hiệu lực, hiệu quả cũng như những vấn đề bất cập, khó khăn trong quá trình hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách phát triển HTXNN của Việt Nam kể từ khi Luật HTX 2012 có hiệu lực tới nay.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu tổng quát: Xác định quan điểm, phương hướng và mục tiêu phù hợp trong hoạch định, thực thi CSPT HTXNN đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

Mục tiêu cụ thể: Hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn về CSPT HTXNN của Việt Nam; Đánh giá khách quan thực trạng hoạch định và thực thi CSPT HTXNN từ khi có Luật HTX 2012 đến hết năm 2019; Đề xuất phương hướng, giải pháp hoàn thiện CSPT HTXNN đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Luận án nghiên cứu CSPT HTXNN của Việt Nam giai đoạn 2013 - 2019.

Giới hạn phạm vi nghiên cứu luận án

Nội dung trọng tâm: Nghiên cứu quá trình hoạch định và thực thi 6 chính sách hỗ trợ, ưu đãi chung và 5 chính sách hỗ trợ, ưu đãi đặc thù đối với các HTXNN đăng ký hoạt động theo luật HTX 2012

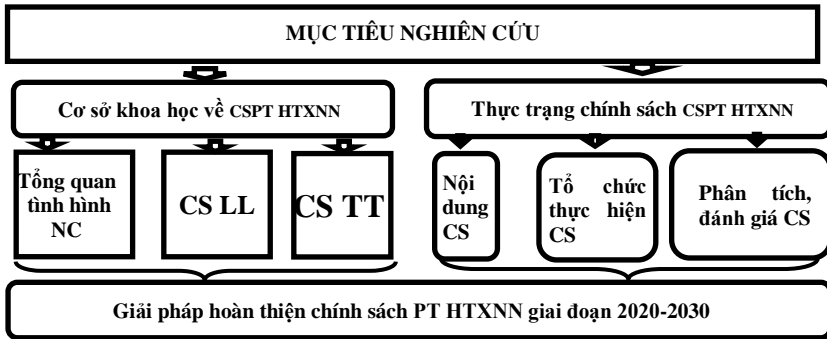
Phạm vi không gian: Toàn quốc;

Thời gian: Dữ liệu đánh giá thực trạng CSPT HTXNN giai đoạn 2013-2019

4. Cách tiếp cận đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

Cách tiếp cận: hướng tiếp cận theo chu trình chính sách công bao gồm các nhóm: Chủ thể chính sách; Đối tượng thụ hưởng chính sách; Mục tiêu chính sách; Các giải pháp chính sách

Các phương pháp nghiên cứu: Tác giả sử dụng loại hình nghiên cứu đề xuất, phương pháp sử dụng: kết hợp phương pháp nghiên cứu thực tiễn và phương pháp nghiên cứu lý thuyết. Mô hình nghiên cứu luận án



Hình 1.1. Khung phân tích logic

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CSPT HTXNN

2.1. Cơ sở lý luận chung về HTXNN

2.1.1. Khái niệm HTXNN

Trong Luận án này, HTXNN có thể được hiểu là: *Tổ chức kinh tế tập thể có hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (gồm: trồng trọt, chăn nuôi và hoạt động dịch vụ nông nghiệp có liên quan), đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên (tổ chức, hộ gia đình, cá nhân) tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý HTX.*

2.1.2. Phân loại HTXNN

Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ “Ban hành hệ thống ngành Việt Nam” quy định Nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan bao gồm trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ có liên quan. Như vậy, Luận án này có thể phân HTXNN thành 4 loại: HTX *trồng trọt*; HTX *chăn nuôi*; HTX *dịch vụ nông nghiệp*; HTX *tổng hợp*

2.2. Cơ sở lý luận về CSPT HTXNN

2.2.1. Khái niệm CSPT HTXNN

Từ những luận giải về HTXNN, chính sách và phát triển ở trên, trong Luận án này, CSPT HTXNN được hiểu là: *định hướng, giải pháp, chiến lược, kế hoạch và hành động của Nhà nước để thúc đẩy sự thay đổi của khu vực HTXNN theo hướng gia tăng về số lượng (HTX, thành viên tham gia), gia tăng về chất (năng lực nội tại, khả năng cạnh tranh) và nâng cao hiệu quả hoạt động (vai trò xã hội, lợi nhuận ròng, bảo vệ môi trường).*

2.2.2. Khung CSPT HTXNN

Về thể thức, chính sách phát triển HTXNN (trong giai đoạn 2013-2019) được thể hiện dưới các hình thức văn bản theo một chỉnh thể thống nhất, bao gồm: Chủ trương của Đảng; Cương lĩnh phát triển đất nước (bổ sung và phát triển năm 2011); Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013); Luật (Luật HTX 2012 và các luật khác có liên quan), Pháp lệnh, Nghị định, Quyết định, Thông tư, Chỉ thị...vvv.

2.2.3. Các yếu tố cấu thành chính sách phát triển HTX

Chủ thể chính sách là Nhà nước, với tư cách là đại diện cho xã hội, cho đất nước thực hiện quyền quản lý kinh tế - xã hội của quốc gia. Ở Việt Nam, chủ thể của chính sách là Đảng Cộng sản Việt Nam, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành, HĐND và UBND các cấp.

Mục tiêu chính sách. Cụ thể là các chỉ tiêu định lượng cần đạt tới của chính sách trong từng thời kỳ, bao gồm: Số lượng (thành viên; HTX), quy mô, chất lượng và cơ cấu các loại HTXNN.

Đối tượng thụ hưởng chính sách bao gồm: các HTXNN; các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập HTXNN; các tổ chức, cá nhân có liên kết với HTXNN; các thành viên HTXNN.

Các giải pháp chính sách bao gồm: là việc đề ra mục tiêu và sử dụng các công cụ chính sách tác động vào các quan hệ và hoạt động khách quan nhằm hình thành, duy trì và phát triển HTXNN trên cả ba mặt: số lượng, chất lượng và hiệu quả.

2.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến CSPT HTXNN

Các yếu tố trong khâu hoạch định chính sách: Lập chương trình; Hình thành chính sách; Thông qua và ban hành chính sách.

Các yếu tố trong khâu thực thi chính sách: Tuyên truyền, phổ biến chính sách; Cơ cấu tổ chức triển khai chính sách; Kế hoạch triển khai chính sách; Kinh phí tổ chức triển khai; Giám sát, đánh giá chính sách

2.2.5. Các tiêu chí đánh giá CSPT HTXNN

Tiêu chí đánh giá hiệu lực của chính sách phát triển HTXNN: Tính hướng đến mục tiêu phát triển chung; Phù hợp tình hình thực tế; Tính khả thi; Tính hợp lý

Tiêu chí đánh giá hiệu quả của chính sách: Chi phí để gia tăng một thành viên tham gia/số hộ/tổ chức kinh tế/doanh nghiệp tham gia liên kết với HTXNN; Chi phí để thúc đẩy hình thành một HTXNN; Chi phí để thúc đẩy gia tăng một thành viên HTXNN; Chi phí để nâng cao năng lực quản trị, năng lực cạnh tranh của một HTXNN; Chi phí để HTXNN thực hiện tốt vai trò xã hội; Chi phí để một HTXNN hoạt động SXKD có lãi.

2.3. Kinh nghiệm của một số quốc gia và vùng lãnh thổ về CSPT HTXNN

Rút kinh nghiệm từ các quốc gia và vùng lãnh thổ như Ca-na-đa; Thái Lan; Hàn Quốc; Ấn Độ; New Zealand; CHLB Đức; Mỹ; Nhật Bản; Hà Lan, Nghiên cứu sinh đúc rút những kinh nghiệm quốc tế về CSPT HTXNN ở Việt Nam, trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách phát triển HTXNN, cần lưu ý tới các vấn đề sau: Xây dựng hệ thống khung khổ pháp luật và chính sách phù hợp với điều kiện thực tế có hiệu lực và hiệu quả, Nhà nước không can thiệp quá sâu vào công việc nội bộ của HTX; Nhà nước không nên coi HTX là công cụ xoá đói, giảm nghèo, hay tổ chức an sinh xã hội của người nông dân mà chỉ nên xem HTX là khu vực kinh tế bình đẳng như những khu vực kinh tế khác. HTXNN phải có được môi trường hoạt động và phát triển một cách độc lập, tự lực và tự chủ theo đúng các nguyên tắc của Liên đoàn HTX quốc tế; Nhà nước chỉ nên có những chính sách khuyến khích HTX phát triển theo hướng lành mạnh, bền vững như: chính sách đào tạo

phát triển nguồn nhân lực HTX; chính sách khoa học và công nghệ; chính sách hỗ trợ xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường; hỗ trợ các dịch vụ tư vấn cho các HTX từ khâu thành lập và hoạt động để tăng số lượng thành viên và đa dạng loại hình HTX; Đối với các HTXNN: Rất nhiều nước, kể cả một số nước tư bản chủ nghĩa phát triển đã có lịch sử phát triển HTX rất lâu đời và có số lượng người dân tham gia HTX rất lớn, trong tất cả các ngành nghề như nông nghiệp, thương mại, tín dụng... song số HTXNN chiếm đa số. Chính phủ của nhiều nước có phong trào HTXNN phát triển không can thiệp vào hoạt động, phát triển của HTX nhưng rất chú trọng tới việc xây dựng môi trường thể chế lành mạnh cho HTXNN phát triển. Để phát triển HTX trong nền kinh tế thị trường, xu hướng sáp nhập các HTX nhỏ thành các HTX lớn đa chức năng và Liên hiệp HTX diễn ra khá phổ biến ở nhiều nước.

CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG CSPT HTXNN CỦA VN

3.1. Nội dung cốt yếu của CSPT HTXNN của Việt Nam

3.1.1. Khuôn khổ pháp luật của Nhà nước quy định CSPT HTXNN của Việt Nam

Sau khi Luật HTX được thông qua tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XIII, hiệu lực từ ngày 01/7/2013. Tính đến 31/12/2018, Chính phủ đã ban hành 05 Nghị định, Thủ tướng Chính phủ ban hành 04 Quyết định và 01 Chỉ thị, các Bộ, ngành ban hành 9 Thông tư, 03 Quyết định, 01 Chỉ thị hướng dẫn trực tiếp triển khai thi hành Luật HTX năm 2012. Cụ thể theo thời gian ban hành, chính sách phát triển HTXNN thể hiện trong những văn bản chủ yếu sau:

Bảng 3.1. Một số CS phát triển HTXNN chủ yếu giai đoạn 2013-2019

	Tên Văn bản	1*	2*	3*	4*	5*	6*	7*	8*	9*	10*	11*
1	Luật HTX năm 2012	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Nghị định 193/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật HTX	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	Quyết định 2261/QĐ-TTg về việc phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015- 2020	x	x	x		x	x	x	x		x	x

4	TT 15/2016/TT-BNNPTNT Hướng dẫn điều kiện và tiêu chí thụ hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với HTXNN								x											
5	Thông tư 340/2016/TT-BTC hướng dẫn về mức hỗ trợ và cơ chế tài chính hỗ trợ, bồi dưỡng nguồn nhân lực của HTX, thành lập mới HTX, tổ chức lại hoạt động của HTX theo Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020	x								x										
6	Quyết định 445/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới tại vùng Đồng bằng sông Cửu long giai đoạn 2016-2020”	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Nghị định 107/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật HTX	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
8	Quyết định 23/2017/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 246/QĐ-TTg về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX và ban hành Quy chế hoạt động bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX					x				x										x
9	Nghị định 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	x						x		x										
10	Quyết định 461/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển 15.000 HTX, liên hiệp HTXNN hoạt động có hiệu quả đến năm 2020	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
<p><i>Ghi chú: 1*: Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; 2*: Chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; 3*: Chính sách ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới; 4*: Chính sách tiếp cận vốn và quỹ phát triển HTX; 5*: Chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội; 6*: Chính sách thành lập mới HTX, liên hiệp HTX; 7*: Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; 8*: Chính sách giao đất, cho thuê đất để phục vụ hoạt động của HTX, liên hiệp HTX; 9*: Chính sách ưu đãi về tín dụng; 10*: Chính sách hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; 11*: Chính sách hỗ trợ chế biến sản phẩm</i></p>																				

3.1.2. Mục tiêu CSPT HTXNN của Việt Nam

05 nhóm nhiệm vụ cần thực hiện để phát triển HTX: Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về HTX; Triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến, xây dựng mô hình HTX, liên hiệp HTX; Thực hiện các đề án, chương trình hỗ trợ phát triển HTX; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và giám sát việc thực hiện Luật HTX; Tăng cường quản lý nhà nước và

hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế tập thể, HTX, liên hiệp HTX.

Mục tiêu phát triển HTXNN đến năm 2020 đạt được 15.000 HTX, liên hiệp HTXNN có hiệu quả

3.1.3. Nội dung CSPT HTXNN của Việt Nam

Nhà nước ban hành 11 chính sách nhằm phát triển khu vực hợp tác xã bao gồm:

(1) Sáu chính sách chung hỗ trợ, ưu đãi cho HTX:

- Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực;
- Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường;
- Ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới;
- Tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã;
- Tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội;
- Thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

(2) Năm chính sách đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp:

- Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng;
- Giao đất, cho thuê đất để phục vụ hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Ưu đãi về tín dụng;
- Vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh;
- Chế biến sản phẩm.

3.2. Phân tích, đánh giá thực trạng tổ chức thực hiện CSPT HTXNN của Việt Nam

3.2.1. Khái quát thực trạng phát triển HTXNN ở Việt Nam

Tính đến hết năm 2019, toàn quốc có 13.541, trong đó có 4.045 HTX nông nghiệp được thành lập mới trong 6 năm gần đây, tăng 1.558 HTX so với thời điểm Luật HTX chưa có hiệu lực; Đã giải thể được 2.074 HTXNN yếu kém, hoạt động không hiệu quả, hiện còn 795 HTXNN yếu kém, đã ngừng hoạt động nhưng chưa giải thể được do vướng mắc về tài sản, nợ nần

hay thất lạc hồ sơ,... Ngoài ra đã chuyển đổi 382 HTXNN hoạt động không đúng bản chất Luật HTX 2012 sang các loại hình kinh tế khác như doanh nghiệp hay tổ hợp tác; 362 HTX kiểu cũ chưa đăng ký lại theo Luật HTX năm 2012 nhưng vẫn đang hoạt động (chiếm 3%)

Số HTX tập trung nhiều nhất là vùng Đồng bằng Sông hồng (chiếm 30,5%), Bắc Trung bộ (20,8%), Đông Bắc (17,5%), Đồng bằng Sông Cửu long (11,6%). Hiện có khoảng 3.936 nghìn thành viên HTX (*giảm khoảng 1.224 nghìn thành viên, tương đương với 23,7% so với năm 2013*). Số thành viên bình quân 367 thành viên/HTX. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ có số thành viên bình quân cao nhất là 808 thành viên/HTX, tiếp đến là Đồng bằng sông Hồng khoảng 682 thành viên/HTX. Các tỉnh có số thành viên bình quân thấp là: Đông Nam bộ khoảng 32 thành viên/HTX, Tây Nguyên khoảng 54 thành viên/HTX. Tổng số lao động thường xuyên trong HTX khoảng 1.670 nghìn người, chiếm 42,4% số thành viên HTX.

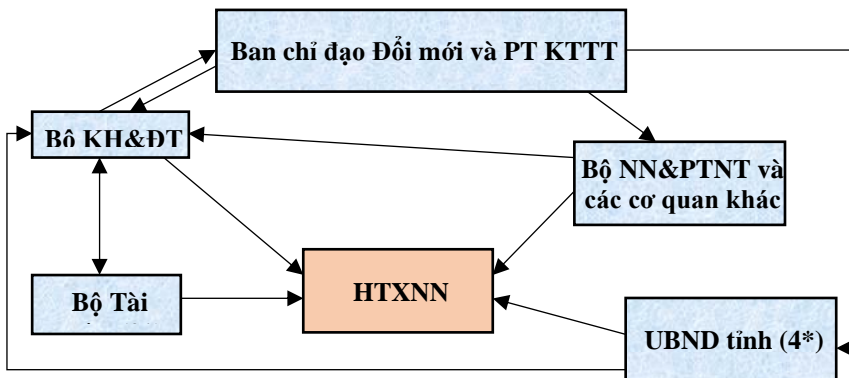
Các HTXNN thực hiện các dịch vụ đầu vào là chủ yếu, tập trung vào các dịch vụ: 74,7% thực hiện dịch vụ thủy lợi, 27,1 % thực hiện dịch vụ làm đất, 45,9% thực hiện dịch vụ khuyến nông, 32,4 % thực hiện dịch vụ sản xuất, cung ứng giống, 48,4% thực hiện dịch vụ vật tư, phân bón cho SXNN, 42,5% thực hiện dịch vụ bảo vệ sản xuất, 29,8 % thực hiện dịch vụ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, 37,4% thực hiện dịch vụ thú y, bảo vệ thực vật, 4,5% thực hiện dịch vụ bảo quản sản phẩm cho thành viên, 12% thực hiện dịch vụ tiêu thụ, chế biến sản phẩm cho thành viên, 8,4% thực hiện dịch vụ tín dụng nội bộ. Doanh thu của HTX phục vụ thành viên cũng tăng dần qua các năm, và chiếm khoảng 63% doanh thu bình quân của một HTX. Riêng năm 2019 doanh thu đạt khoảng 3,1 tỷ đồng/HTX. Lợi nhuận bình quân 200 triệu đồng/HTX/năm; thu nhập bình quân của các thành viên và người lao động ước đạt khoảng 2,7 triệu đồng/người/tháng. Trong đó, vùng có thu nhập cao là Tây Bắc, Duyên hải Nam Trung bộ trên 3,5 tr.đ/n/th; thấp nhất là Đồng bằng sông Hồng 1,85 triệu đồng/người/tháng.

Cơ cấu giữa bốn loại HTX không thay đổi nhiều hàng năm, trong đó: Số lượng HTX dịch vụ đang hoạt động năm 2019 chiếm tỉ trọng cao nhất (54,5%), có xu giảm 1,9 % so với năm 2013; Số lượng HTX trồng trọt đang hoạt động năm 2019 chiếm tỉ trọng trung bình (23%), tăng 1,5 % so với năm 2013; Số lượng HTX tổng hợp đang hoạt động năm 2019 chiếm tỉ trọng thấp nhất (11,2%), giảm 0,4 % so với năm 2013.

3.2.2. Tổ chức bộ máy thực hiện CSPT HTXNN của Việt Nam

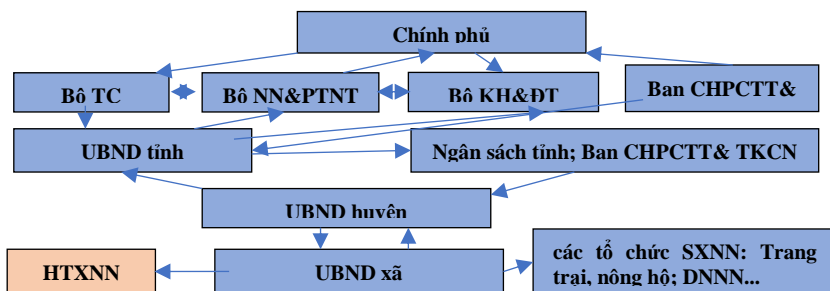
Tại Trung ương, Ban chỉ đạo Đổi mới và phát triển kinh tế tập thể, HTX do Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng Ban chỉ đạo, Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan giúp Chính phủ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể; các bộ, ngành có liên quan chịu trách nhiệm phối hợp và trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể thuộc ngành, lĩnh vực quản lý. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có Cục Kinh tế hợp tác; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn.

Ở địa phương: Các sở Kế hoạch và Đầu tư được giao chức năng quản lý nhà nước về kinh tế tập thể chung trên tất cả các ngành, lĩnh vực trên địa bàn. Các sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có đơn vị quản lý chuyên ngành (chi cục phát triển nông thôn). Các sở, ban, ngành khác chỉ bố trí cán bộ kiêm nhiệm theo dõi về kinh tế tập thể trong lĩnh vực được giao phụ trách. Hầu hết các tỉnh, thành phố đều giao Liên minh HTX tỉnh làm nhiệm vụ theo dõi, tổng hợp, tham mưu, củng cố, phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn.



Hình 3.4. Sơ đồ tổ chức thực hiện CSPT HTXN

Phức tạp nhất là bộ máy tổ chức thực hiện *Chính sách hỗ trợ vốn, giống khi gặp thiên tai, dịch bệnh* [Hình 3.9]. Để được thụ hưởng chính sách, HTXNN phải đi qua 7 cấp trung gian, điều này lý giải nguyên nhân kinh phí hỗ trợ đến đối tượng thụ hưởng thường rất chậm, trong khi đối tượng thụ hưởng rất cần được hỗ trợ giống, vốn nhanh để sớm tái tổ chức sản xuất. Một điểm bất hợp lý nữa là mặc dù có nhiều cấp trung gian như vậy, nhưng nhân sự thực thi chính sách trong mỗi cấp lại rất mỏng và phân tán, phần lớn không được đào tạo kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về HTX



Hình 3.9. Sơ đồ bộ máy tổ chức thực hiện CS hỗ trợ vốn, giống khi gặp thiên tai, dịch bệnh

3.2.3. Tổ chức thực hiện các CSPT HTXNN của Việt Nam

i. *Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực.* Trong giai đoạn 2013-2019, ngân sách Trung ương hỗ trợ 187 tỷ đồng cho các bộ, ngành, địa phương để thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ HTX, tổ hợp tác. Tính đến 31/12/2018, các địa phương đã tổ chức đào tạo cho 24.286 lượt người với ngân sách trung ương là 21.274 triệu đồng, ngân sách địa phương là 12.041 triệu đồng; bồi dưỡng được 59.225 lượt người với ngân sách trung ương là 26.704 triệu đồng, ngân sách địa phương là 403.902 triệu đồng. Số lượt người được đào tạo, bồi dưỡng tăng dần qua các năm (trung bình mỗi năm tăng khoảng trên 20%), năm 2018 đạt 45.151 người, tăng 4.965 người so với năm 2013.

ii. *Chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường.* Trong giai đoạn 2013-2019, NSNN đã bố trí 385.000 triệu đồng cho Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia. Hàng năm Bộ Công thương đã phê duyệt một số Đề án xúc tiến thương mại quốc gia cho các HTX, Liên minh HTX Việt Nam tham gia các hội chợ trong và ngoài nước nhằm quảng bá hình ảnh, mở rộng thị trường. Các địa phương hỗ trợ cho 1.260 lượt HTXNN xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường với tổng kinh phí là 30.574 triệu đồng

Kết quả khảo sát 148 HTXNN cho thấy công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường chủ yếu tập trung vào nội dung hỗ trợ thông tin, tuyên truyền; tổ chức xúc tiến tổng hợp; tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm thương mại (22%; 38%; 32%; 44%); tổ chức cho các đoàn khách nước ngoài vào Việt Nam giao dịch mua hàng.

iii. *Chính sách ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới.*

Giai đoạn 2013-2019, nguồn kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên cho hoạt động khoa học và công nghệ hàng năm cho Liên minh HTX Việt Nam là 13,94 tỷ đồng, đã tổ chức tư vấn cho các HTX áp dụng được 26 công nghệ khác nhau nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hỗ trợ cho 540 HTX được ứng dụng khoa học công nghệ, rất ít so với tổng số HTX cả nước (chỉ 2,76%). Các địa phương đã hỗ trợ cho 3.698 lượt HTX ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới với tổng kinh phí là 67.414 triệu đồng, trong đó kinh phí từ ngân sách Trung ương là 7.914 triệu đồng, từ ngân sách địa phương là 59.500 triệu đồng.

iv. *Chính sách tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển HTX*

Chính sách tiếp cận vốn: Nguồn vốn tín dụng ngân hàng đã góp phần thúc đẩy sự phát triển của HTX, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho thành viên của HTX. Trong giai đoạn 2013-2019, doanh số cho vay bình quân cho HTX mỗi năm đạt 8.000 tỷ đồng. Đến hết năm 2018 dư nợ đạt gần 5.000 tỷ đồng, tăng 18,2% so với cuối năm 2017, giảm 1.600 tỷ đồng so với thời điểm 01/7/2013. Số khách hàng dư nợ là 1.918 khách hàng (trong đó có 1.365 HTX, 29 LH HTX). Mặc dù dư nợ cho vay đối với HTX giảm trong năm

2013, 2014 nhưng đã có chiều hướng gia tăng từ năm 2015 đến nay. Điều đó thể hiện rằng các HTX sau quá trình chuyển đổi đã hoạt động ổn định trở lại, nhu cầu vay vốn tăng lên và là cơ sở để TCTD tập trung đầu tư tín dụng. Tuy nhiên, việc tiếp cận vốn đối với các HTX vẫn còn khó khăn do nhiều HTX chưa đủ điều kiện tiếp cận tín dụng (năng lực điều hành, quản trị hạn chế dẫn đến lúng túng trong hoạt động sản xuất kinh doanh). *Quỹ hỗ trợ phát triển HTX*. Trong giai đoạn 2013-2019 có 5.006 HTX được tiếp cận nguồn vốn quỹ (khoảng 25,58% tổng số HTX cả nước), trong đó nguồn vốn của Trung ương là 58.834 triệu đồng, nguồn vốn địa phương là 634.567 triệu đồng. Đây cũng là dấu hiệu tích cực khi số HTX được tiếp cận vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển HTX đã tăng lên kể từ khi có Luật HTX 2012 (tăng khoảng 3.292 HTX, 192% so với giai đoạn 2001-2011).

Chính sách ưu đãi về tín dụng. Trong giai đoạn 2013-2019, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tạo điều kiện cho 1.953 HTX được hưởng hỗ trợ ưu đãi về lãi suất tín dụng với tổng kinh phí là 138.296 triệu đồng, trong đó kinh phí từ ngân sách Trung ương là 9.330 triệu đồng, từ ngân sách địa phương là 128.966 triệu đồng. Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước, dư nợ cho vay đối với HTX theo Nghị định số 55/NĐ-CP đạt khoảng 3.200 tỷ đồng, trong đó cho vay không có tài sản đảm bảo đối với các HTX đạt khoảng 70 tỷ đồng cho 35 HTX, chiếm tỷ trọng rất ít (khoảng 2,18%) trong tổng dư nợ cho vay theo Nghị định số 55/NĐ-CP.

v. *Chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội; hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng*. Trong giai đoạn 2013-2019, đã tạo điều kiện cho 2.104 lượt HTX tham gia các chương trình mục tiêu, phát triển kinh tế- xã hội với tổng kinh phí là 74.965 triệu đồng, trong đó kinh phí từ ngân sách Trung ương là 7.484 triệu đồng, từ ngân sách địa phương là 67.481 triệu đồng.

Trên thực tế khảo sát 148 HTXNN cho thấy tỉ lệ HTXNN được tham gia thực hiện các chương trình này không đáng kể (cao nhất có 3,3% số HTX được tham gia),

vi. *Chính sách thành lập mới HTX, LH HTX.* Trong giai đoạn 2013-2019, cả nước đã hỗ trợ cho 4.045 HTXNN thành lập mới với tổng kinh phí là 27.204 triệu đồng, trong đó kinh phí từ ngân sách Trung ương là 4.680 triệu đồng, từ ngân sách địa phương là 22.524 triệu đồng.

vii. *Chính sách giao đất, cho thuê đất.* Giai đoạn 2013-2019, cả nước có 1.413 HTX được giao đất, cho thuê đất với tổng diện tích đất là 12.016 ha. Số HTX được ưu đãi tín dụng khi thuê đất là 182 HTX với tổng kinh phí là 54.168 triệu đồng. Kết quả khảo sát 148 HTX cho thấy: Đa số diện tích đất sản xuất trong HTX hiện nay là đất do thành viên quản lý và tự tổ chức sản xuất. HTX chỉ có vai trò cung cấp một số dịch vụ cơ bản như thủy lợi hoặc làm đất. Đất chung do các HTX quản lý và sử dụng là rất thấp.

ix. *Chính sách hỗ trợ chế biến sản phẩm.* Kết quả khảo sát 148 HTXNN cho thấy tỉ lệ được vay để mua thiết bị, đầu tư nhà xưởng chiếm tỉ lệ rất nhỏ so với nhu cầu. Nguyên nhân chính là nhiều HTXNN không có tài sản đảm bảo để được vay vốn nên không tiếp cận được. Một số HTX tiếp cận được vốn thì thời gian làm hồ sơ mất nhiều thời gian, thủ tục thẩm định và vay vốn kéo dài nên phát sinh nhiều chi phí

3.2.4. Đánh giá của các chuyên gia, nhà quản lý về CSPT HTXNN của Việt Nam

Về nội dung chính sách. Một số quy định còn chưa được hướng dẫn cụ thể hoặc có hướng dẫn thì chưa khả thi dẫn đến khó triển khai, như: Xác định tài sản không chia, xử lý tài sản không chia sau chuyển đổi, giải thể HTX; thủ tục giải thể bắt buộc đối với HTX; hướng dẫn chuyển đổi HTX sang các loại hình tổ chức khác; hướng dẫn định mức và thủ tục thực hiện hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng cho HTX nông nghiệp; công tác kiểm toán đối với HTX; Luật HTX 2012 quy định 11 chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các HTX nhưng thực tế các chính sách này đi vào cuộc sống không nhiều. Có chính sách hầu như chưa thực hiện được như chính sách hỗ trợ về kết cấu hạ tầng cho HTX nông nghiệp. Một số chính sách thực hiện chưa hiệu quả như chính sách ưu đãi tín dụng, hỗ trợ chế biến sản phẩm...; số lượng HTX được hưởng chính

sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước còn hạn chế; Một số chính sách hỗ trợ được ban hành phân tán, chưa đồng bộ, thiếu tính khả thi, chưa được hướng dẫn cụ thể, thiếu nguồn lực; thiếu kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thi hành Luật HTX và các chính sách hỗ trợ phát triển HTX.

Về tổ chức thực hiện chính sách. Thời gian ban hành một số văn bản hướng dẫn Luật HTX kéo dài và phải điều chỉnh nên quá trình triển khai thực hiện Luật gặp nhiều khó khăn; Công tác phối hợp trong việc thực hiện báo cáo thống kê giữa các Bộ, ngành Trung ương và địa phương chưa thực hiện tốt nên rất khó khăn trong việc tổng hợp. Không có hệ thống số liệu về KTTT, HTX hoặc nếu có thì không đầy đủ, không cập nhật, chưa chính xác; Chưa xây dựng được nhiều mô hình HTX kiểu mới quy mô lớn, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ theo chuỗi giá trị nông sản thông qua hợp đồng kinh tế.

Về bộ máy tổ chức thực hiện chính sách. Bộ máy quản lý nhà nước về KTTT, HTX vừa yếu vừa thiếu và vừa phân tán; đa phần là đơn vị, cán bộ kiêm nhiệm; chức năng quản lý nhà nước về KTTT, HTX tại địa phương dàn trải ở nhiều cơ quan, nhiều đơn vị khác nhau; chưa có tổ chức bộ máy, cán bộ chuyên trách thống nhất từ Trung ương tới địa phương để tập trung trí tuệ, sức lực nghiên cứu xây dựng, triển khai thực hiện Nghị quyết, pháp luật và chính sách về KTTT.

Về đối tượng thụ hưởng chính sách. Đa số các HTX có vốn ít, trang thiết bị lạc hậu, quy mô sản xuất nhỏ, chưa xây dựng được chuỗi liên kết. Khả năng huy động vốn của các hộ thành viên rất hạn chế, khó vay vốn trung hạn, dài hạn từ ngân hàng. Một số HTX chưa thể hiện được vai trò kết nối giữa các thành viên với thị trường, sự gắn kết lợi ích giữa HTX và thành viên mờ nhạt, chưa mang tinh thần hợp tác. Lợi ích kinh tế trực tiếp do HTX mang lại cho thành viên chưa nhiều. Việc liên kết, liên doanh giữa HTX với HTX, giữa HTX với các thành phần kinh tế khác còn ít, hiệu quả chưa cao.

3.3. Đánh giá chung thực trạng hoạch định và thực thi CSPT HTXNN của Việt Nam

3.3.1. Những thành quả đạt được

Chính sách phát triển HTXNN đã góp phần gia tăng số lượng và góp phần ổn định hoạt động SXKD và nâng quy mô của từng HTXNN, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của HTX. Số liệu khảo sát 148 HTX trong giai đoạn 2013-2019, khả năng sinh lời của các HTX tương đối ổn định. Năm 2019, lợi nhuận trước thuế của HTX/vốn chủ sở hữu là 8,5%, nghĩa là với 100 đồng vốn chủ sở hữu mà thành viên đầu tư vào HTX sẽ sinh lời 8,5 đồng. HTX chăn nuôi có tỷ suất sinh lời cao (20,2%), HTX trồng trọt có tỷ suất sinh lời thấp (8,2%); Chính sách phát triển HTXNN đã góp phần mang lại hiệu quả kinh tế đối với thành viên tham gia HTX và các hộ liên kết.

3.3.2. Những hạn chế, yếu kém

i. Mức độ tác động của chính sách rất hạn chế và không rõ ràng

Trong bảy năm qua, số lượng HTXNN đã gia tăng chậm (chỉ tăng trung bình 3%/năm); số lượng thành viên giảm từ 5.017.293 thành viên trong năm 2013 xuống còn 3.936.000 thành viên năm 2019, tương đương với mức giảm 22%. Nhiều HTX được thụ hưởng nhiều chính sách khác nhau nhưng vẫn làm ăn thua lỗ, trong 25 HTXNN được hưởng 4 chính sách thì có đến 11 HTX thua lỗ (chiếm 44%), trong 23 HTXNN được hưởng 3 chính sách thì có tới 8 HTX thua lỗ (chiếm 35%). Trong khi có 15 HTXNN không được hưởng chính sách nào thì chỉ có 27% thua lỗ, điều này cho thấy thực trạng là tác động về chất đối với HTXNN của chính sách thực sự không rõ ràng. Một số chính sách thực sự chưa đi vào cuộc sống, tỉ lệ thụ hưởng thấp như: CS tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội; CS hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; CS giao đất, cho thuê đất để phục vụ hoạt động của HTX, liên hiệp HTX; CS hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh.

Chính sách phát triển HTXNN chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Trong giai đoạn 2013 - 2019, Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương đã triển khai các nội dung hỗ trợ [Phụ lục II] cho 32.113 lượt HTXNN, với tổng kinh phí là 2.101,317 tỉ đồng, nếu tính con số HTX trung bình trong 6 năm là 10,991 HTX có 45% hoạt động có hiệu quả thì chi phí cho 1 HTX làm ăn có hiệu quả khoảng 423,7 Tr/HTX, đây là một con số khá lớn nếu so với các chương trình khác phục vụ mục tiêu phát triển nông thôn như chương trình xóa đói giảm nghèo, Chương trình xây dựng nông thôn mới.

Chính sách chưa hướng đúng vào những đối tượng là HTXNN hoạt động theo đúng các nguyên tắc HTX. Trong 148 HTX đã khảo sát, có đến 130 HTXNN được thụ hưởng ít nhất một chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước, nhưng chỉ có 6 HTX hoạt động theo đầy đủ các nguyên tắc của HTX, chiếm khoảng 2,5%. Điều này cho thấy có rất nhiều HTXNN không hoạt động theo đúng các nguyên tắc HTX nhưng vẫn được thụ hưởng các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước.

3.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế và yếu kém

3.3.3.1. Nguyên nhân từ khâu hoạch định chính sách

Phương thức tiếp cận trong hoạch định một số chính sách chưa phù hợp; Các thông tin, số liệu để thiết lập các mục tiêu cụ thể và biện pháp chính sách chưa được điều tra, thống kê một cách thống nhất và khoa học; Chưa có phương thức nhận diện được các HTXNN hoạt động đúng nguyên tắc HTX để có chính sách hỗ trợ, ưu đãi đúng địa chỉ

3.3.3.2. Nguyên nhân từ khâu tổ chức triển khai chính sách

Bộ máy quản lý nhà nước về KTTT, HTX vừa yếu vừa thiếu và vừa phân tán, có nhiều cơ quan làm đầu mối tổ chức thực hiện chính sách; Nguồn ngân sách cho khoa học và công nghệ không đủ để triển khai thực hiện các dự án KH&CN; Chưa có phương thức hữu hiệu để xác định rõ được phần thu nhập miễn thuế và phần thu nhập chịu thuế đối với HTX; Nhiều chính sách được lồng ghép vào các chương trình phát triển kinh tế- xã hội nên trong thực tế mang danh nghĩa HTXNN được thụ hưởng, nhưng thực chất đối tượng thụ

hưởng là thành viên hộ nông dân, cư dân nông thôn; Nguồn lực thực thi chính sách vừa thiếu, vừa phân tán

3.3.3.3. Nguyên nhân từ nhóm đối tượng thụ hưởng chính sách

Khả năng tài chính của thành viên HTX phần nhiều là yếu, khó tiếp cận vốn; năng lực nội tại của HTX yếu; Nhiều HTXNN và các hộ liên kết còn chưa nhận thức được ưu thế của liên kết trong cung tiêu sản phẩm nông nghiệp; ý thức tuân thủ pháp luật trong các hợp đồng kinh tế của các hộ cá thể kém; đa số các HTX có vốn ít, trang thiết bị lạc hậu, quy mô sản xuất nhỏ, chưa xây dựng được chuỗi liên kết; Năng lực quản trị HTX của đội ngũ cán bộ HTX chưa đáp ứng yêu cầu, không theo kịp với xu thế phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 cũng như phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại

CHƯƠNG 4. PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CSPT HTXNN CỦA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035

4.1. Bối cảnh phát triển HTXNN của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035

Trong xu thế hội nhập, toàn cầu hóa và cạnh tranh gay gắt, xu hướng chung của thế giới hướng đến sử dụng hàng hóa an toàn, có nguồn gốc rõ ràng, chất lượng cao, đặc biệt là hàng nông sản hữu cơ, đòi hỏi các HTX phải thích ứng với thị trường bằng những sản phẩm đạt tiêu chuẩn. Thương mại điện tử được xem như một trong những giải pháp hiệu quả, bền vững để các HTX nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường cũng như tham gia vào các hoạt động kinh tế trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Dịch bệnh Covid-19 diễn ra trên phạm vi toàn thế giới tác động mạnh tới nhu cầu tiêu thụ nông sản; nhiều chuỗi sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ nông sản trên thế giới bị phá vỡ. Việt Nam đã và đang tham gia ngày càng sâu rộng vào tiến trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế với các cam kết mở cửa thị trường về thương mại hàng hóa, dịch vụ và đầu tư theo các hiệp định Mậu dịch tự do song phương, khu vực. Các HTX có nhiều cơ hội được học hỏi, cọ sát và nâng cao năng lực; tiếp nhận công nghệ sản xuất và công nghệ quản lý mới.

Cạnh tranh hàng hóa sẽ diễn ra rất gay gắt, cả thị trường trong nước và quốc tế.

4.2. Mục tiêu và phương hướng hoàn thiện CSPT HTXNN của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035

4.2.1. Mục tiêu hoàn thiện CSPT HTXNN của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035

Chính sách phát triển HTXNN phải phù hợp với nhu cầu của chính khu vực HTX hoạt động trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp

Chính sách phát triển HTXNN khuyến khích HTXNN tăng thu nhập cho lao động nông nghiệp, tăng quy mô sản xuất nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu lao động

Chính sách phát triển HTXNN phải góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng sản phẩm của HTXNN

Mục tiêu định lượng. Phần đầu bắt đầu từ năm 2020, hàng năm HTXNN có số lượng thành viên tăng thêm 10%; tỉ lệ HTXNN hoạt động có hiệu quả tăng thêm 10% để trong giai đoạn 2020- 2030 số lượng thành viên tăng từ 4.000.000 thành viên (năm 2020) lên 9.431.791 thành viên (năm 2030); tỉ lệ HTXNN hoạt động có hiệu quả tăng từ 38% (năm 2020) lên 90% (năm 2030).

4.2.2. Phương hướng hoàn thiện CSPT HTXNN của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035

- Thay đổi phương thức từ hỗ trợ, ưu đãi HTXNN sang phương thức khuyến khích phát triển HTXNN trong hoạch định và thực thi chính sách

- Điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện chính sách theo hướng có chọn lọc và trọng tâm, kích thích khởi nghiệp HTXNN, thúc đẩy sự phát triển bền vững của HTXNN

- Việc hoạch định, thực thi chính sách phát triển HTXNN phải dựa trên những thông tin đầu vào thống nhất, chuẩn xác, có mức độ tin cậy cao; bộ máy thực thi chính sách cần có tính tập trung, tinh gọn, đủ năng lực phát

huy những mặt thuận lợi, triệt tiêu những nguyên nhân gây ra bất cập, hạn chế của chính sách trong thời gian qua

4.3. Các giải pháp hoàn thiện và thực thi CSPT HTXNN của Việt Nam thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035

4.3.1. Giải pháp hoạch định và hoàn thiện CSPT HTXNN của Việt Nam thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035

- Ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể hoạt động kiểm toán, Nhà nước hỗ trợ toàn bộ chi phí kiểm toán HTX, có các quy định bắt buộc trong hồ sơ thụ hưởng chính sách của HTXNN phải bao gồm báo cáo kiểm toán để nhận diện các HTXNN hoạt động đúng nguyên tắc HTX từ đó có chính sách khuyến khích phát triển đúng địa chỉ.

- Xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu lực, hiệu quả của chính sách phát triển HTXNN và cơ sở dữ liệu về HTXNN.

4.3.2. Giải pháp tổ chức thực thi và duy trì CSPT HTXNN của Việt Nam thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035

- Tiếp tục tập trung tuyên truyền, tập huấn sâu rộng về pháp luật HTX

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hợp tác xã, gắn liền với công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong phát triển HTX

- *Cơ cấu lại chính sách.* Những chính sách đầu tư phát triển, tạo động lực cho HTXNN phát triển bền vững cần được ưu tiên tập trung nguồn lực tối đa và thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động; Những chính sách phát triển chung đối với khu vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn nên đưa vào các chương trình Cơ cấu lại ngành nông nghiệp và Chương trình xây dựng nông thôn mới sẽ đem lại hiệu quả cao hơn; Những chính sách trên thực tế không mang lại nhiều hiệu quả, đối tượng thụ hưởng khó tiếp cận, khó xác định được đối tượng thụ hưởng cụ thể nên dừng triển khai thực hiện;

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung và tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ, ưu đãi phát triển KTTT, HTX của Nhà nước. Ban hành một số cơ chế, chính sách đối với các doanh nghiệp khi tham gia vào chuỗi giá trị sản

xuất hàng hóa mà HTX là trung tâm của mỗi liên kết nhằm khuyến khích các doanh nghiệp liên kết với các HTX trong quá trình sản xuất kinh doanh. Ban hành những quy định cụ thể để triển khai xây dựng mỗi liên kết bốn nhà, trong đó HTX giữ vai trò trung gian, vai trò đại diện cho những người sản xuất là các hộ gia đình cá thể. Khuyến khích hình thức hợp tác giữa nhà sản xuất với nhà khoa học thông qua đơn đặt hàng và nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện chuyển giao khoa học kỹ thuật; Thực hiện và tiếp tục hoàn thiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã, phù hợp bản chất (tránh bao cấp), nhu cầu, trình độ phát triển của tổ chức hợp tác xã và phù hợp với khả năng nguồn lực của nhà nước.

KẾT LUẬN

Trong giai đoạn 2013 - 2019, chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp của Việt Nam tương đối đa dạng và được hình thành từ 11 chính sách cơ bản như: đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới; tiếp cận vốn và quỹ phát triển HTX; tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội; hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; giao đất, cho thuê đất; ưu đãi về tín dụng; hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; hỗ trợ chế biến sản phẩm.

Chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam giai đoạn 2013 – 2019 đã đem lại một số thành quả nhất định, đó là: chính sách phát triển HTXNN góp phần gia tăng số lượng hợp tác xã trong nông nghiệp; làm ổn định hoạt động SXKD và nâng quy mô của từng hợp tác xã trong nông nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của hợp tác xã; có tác động tích cực trong việc mang lại hiệu quả kinh tế đối với thành viên tham gia HTX và các hộ liên kết.

Tuy nhiên, mức độ tác động của chính sách rất hạn chế và không rõ ràng; chính sách chưa đạt hiệu quả như mong muốn và chưa thực sự hướng đúng vào những đối tượng là HTXNN hoạt động theo đúng các nguyên tắc HTX. Những hạn chế, yếu xuất phát từ một số nguyên nhân: Thứ nhất, từ khâu hoạch định chính sách: phương thức tiếp cận trong hoạch định một số chính sách chưa phù hợp; các thông tin, số liệu để thiết lập các mục tiêu cụ thể và biện pháp chính sách chưa được điều tra, thống kê một cách thống nhất và khoa học; chưa có phương thức nhận diện được các HTXNN hoạt động đúng nguyên tắc HTX để có chính sách hỗ trợ, ưu đãi đúng địa chỉ. Thứ hai, từ khâu tổ chức triển khai chính sách: bộ máy quản lý nhà nước về KTTT, HTX vừa yếu vừa thiếu và vừa phân tán; chưa có phương thức hữu hiệu để xác định rõ được phần thu nhập miễn thuế và phần thu nhập chịu thuế đối với HTX; nguồn lực thực hiện chính sách còn rất hạn chế. Thứ ba, từ nhóm đối tượng thụ hưởng chính sách:

khả năng tài chính và năng lực nội tại của thành viên HTX phần nhiều là yếu; ý thức tuân thủ pháp luật trong các hợp đồng kinh tế của các hộ cá thể kém; đa số các HTX có vốn ít, trang thiết bị lạc hậu, quy mô sản xuất nhỏ, chưa xây dựng được chuỗi liên kết.

Để xử lý những hạn chế, yếu kém này, trong xây dựng và tổ chức triển khai chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp giai đoạn tới (2021 - 2030) cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau: Thứ nhất, đối với khâu hoạch định chính sách: đổi mới quan điểm về HTX và sự hỗ trợ cho các HTX; cần hoàn thiện lại khuôn khổ pháp luật và chính sách hỗ trợ, bắt đầu bằng việc sửa đổi, bổ sung Luật hợp tác xã năm 2012; ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể hoạt động kiểm toán, Nhà nước hỗ trợ toàn bộ chi phí kiểm toán HTX; xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu lực, hiệu quả của chính sách phát triển HTXNN và cơ sở dữ liệu về HTXNN. Thứ hai, đối với khâu tổ chức thực hiện chính sách: tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn; tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hợp tác xã; tiếp tục rà soát, điều chỉnh phương thức hoạt động và tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ, ưu đãi; bố trí đủ nguồn lực đáp ứng yêu cầu, chú trọng triển khai quyết liệt và có hiệu quả một số chính sách khuyến khích phát triển HTXNN.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Vũ Mạnh Hùng (2017), *Xây dựng mô hình HTX kiểu mới trong cơ cấu lại nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới*, Tạp chí Cộng Sản (chuyên đề cơ sở), số 128, tháng 8/2017,

2. Vũ Mạnh Hùng (2017), *Một số vấn đề đặt ra trong xây dựng mô hình HTX kiểu mới*, Tạp chí Cộng Sản, số 898, tháng 8/2017.

3. Vũ Mạnh Hùng (2016), *Đề tài khoa học cấp Ban (mã số KHBKT 2016-04): Thực trạng và định hướng phát triển các khu nông nghiệp công nghệ cao ở Việt Nam*, Ban Kinh tế Trung ương, Hà Nội.

4. Vũ Mạnh Hùng (2015), *Tăng trưởng xanh- xu thế toàn cầu*, Chuyên san Tạp chí Cộng Sản, số 298 ra ngày 10/03/2015

5. Vũ Mạnh Hùng (2015), *Hệ thống tài chính vi mô: Công cụ xóa đói, giảm nghèo bền vững*, Tạp chí Tài chính, kỳ 2, tháng 8/2015

6. Vũ Mạnh Hùng (2015), *Một số công trình nghiên cứu nâng cao năng lực và vị thế của nông dân Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế, Kỹ yếu tọa đàm nâng cao năng lực kinh doanh của nông dân trong hoạt động kinh tế nông nghiệp, nông thôn*, Ban KTTW- Tỉnh ủy Hà Nam- Trường ĐH Quốc gia Hà Nội tọa đàm tháng 4/ 2015.

7. Vũ Mạnh Hùng (2015), *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn bằng hình thức doanh nghiệp liên kết với nông hộ có đất để tổ chức sản xuất kinh doanh sản phẩm cao su*, Kỹ yếu hội thảo khoa học “Đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới”, Ban KTTW- Tạp chí cộng sản- Bộ nông nghiệp và PTNT hội thảo khoa học tháng 8/2015.